

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 9

PHẨM NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ THỨ TÁM

Trong nhân duyên đời trước nói có hai đoạn:

Chánh vì nói pháp, văn này đã rồi, nay là thứ hai vì thọ ký. Do nghe pháp ngộ giải hành tương ứng với Phật cho nên được Phật thọ ký. Văn gồm có hai:

1) Thọ ký năm trăm đệ tử làm một phẩm.

2) Thọ Hữu học, Vô học nhân ký làm một phẩm. Sở dĩ chia làm hai phẩm: Vì phẩm Thọ ký ở trên là nêu tên chung, nay muốn khác trên cho nên lấy người làm phẩm riêng. Vì thế hai đề chung riêng đặt tên tránh nhau. Sở dĩ căn cứ người chia ra hai phẩm là gồm có mười nghĩa năm cặp:

1) năm trăm đệ tử nguyện hạnh đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nối nhau thành Phật. Sau người Hữu Hữu học, Vô học nguyện hạnh cũng đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nhất thời thành Phật, vì nhân duyên này nên chia ra hai phẩm.

2) Tức muốn dùng hai phẩm này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp. Nói thọ ký không ngoài hai thứ:

a) Trước sau nối nhau thành Phật.

b) Nhất thời thành Phật.

3) Trước năm trăm người là chúng cao danh hiển đức, sau hai ngàn người là chúng ẩn hạnh, mật hạnh, do bộ loại hiển mật khác nhau nên chia làm hai phẩm.

4) Tức muốn dùng hai người hiển mật nhiếp hết nghĩa thọ ký.

5) Trước năm trăm người đồng là vị Hữu học Vô học, sau hai ngàn người là địa vị Hữu Hữu học, Vô học, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

6) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

7) Trước năm trăm người đồng có lãnh giải, sau người Hữu Hữu

học, Vô học đồng không lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

8) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

9) Trước năm trăm người cũng có phát tích cũng không phát tích như Mãn nguyện phát tích các người khác không phát tích, cho nên làm một loại. Người Hữu Hữu học, Vô học cũng có phát tích cũng không phát tích, như A-nan, La-hầu-la thì phát tích các người khác không phát tích, lại là một loại, do đó chia làm hai phẩm.

10) tức dùng có phát tích không phát tích nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

Hỏi: Phẩm này thật thọ ký một ngàn hai trăm người vì sao đề năm trăm ư?

Đáp: năm trăm tức số một ngàn hai trăm, sử dĩ đề riêng gồm có bốn nghĩa:

1) Khi Phật tại thế có cao danh nói lên oai đức năm trăm La-hán thường theo hầu Phật cho nên đề riêng.

2) Năm trăm người này nguyện hạnh đồng, hiện tại đều cùng thời được thọ ký vị lai nối kế thành Phật.

3) Năm trăm người này đồng tự có khả năng lãnh giải nói công buộc châu nơi chéo áo nên riêng nói.

4) Khi Đức Phật mới thành đạo trước độ năm người, kế độ thầy trò Ca-diếp tức thành năm trăm. Nay từ đầu đặt tên cho nên nói riêng.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Thọ ký riêng cho Mãn nguyện.

2) Tổng thọ ký cho các Thanh văn.

Thọ ký riêng Mãn nguyện: Mãn nguyện có phát tích các người khác không phát tích. Mãn nguyện không tự năng lãnh giải các người khác có tự năng lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phần.

Hỏi: Phát tích vì sao không tự trình bày lãnh giải, không phát tích tự có lãnh giải ư?

Đáp: Phàm luận lãnh giải chắc là xưa mê nay ngộ, kia đã phát tích thì xưa không thật mê, nay chẳng thật ngộ, cho nên người phát tích không thể tự lãnh giải, người không phát tích đã thật xưa mê nay ngộ nên có tự lãnh giải.

Hỏi: Hai hạng thượng căn trung căn đều không phát tích vì sao đến người hạ căn có phát tích ư?

Đáp: Có thể đủ năm nghĩa:

1) Văn xen lẫn có ẩn hiển, hoặc đều phát tích thì là người không

thật ngộ, nếu không đều phát tích thì ẩn đức Bồ-tát do đó văn kinh nêu ra khác nhau.

2) Người hạ căn phát tích thì hiển Bồ-tát bất khả tư nghì, hiện làm Thanh văn rồi thì ẩn đức, ở trong hàng Thanh văn vẫn lại làm hạ căn do đó gọi là bất khả tư nghì.

3) Thị hiện làm Thanh văn vốn vì giáo hóa chúng sinh, nay ba căn đều ngộ thì việc giáo hóa chúng sinh xong mới được phát tích. Chương trên việc giáo hóa chưa cùng khắp nên không nói về phát tích.

4) Người hạ căn còn phát tích người trung căn thượng căn đâu phải hạnh thật ư? Cho nên luận Nhiếp Đại thừa chép: Xá-lợi-phất v.v... đều là hóa nhân, cho nên có kinh chép: Tu Bồ-đề là Phật Thanh Long Đà ở thế giới Phương Đông thì biết đều là người hạnh quyền.

5) Nói lên Bồ-tát có phát tích không phát tích hai thứ phương tiện.

Hỏi: Phát tích có lợi ích gì?

Đáp: Khai một làm ba gồm có hai thứ:

1) Khai một pháp làm ba pháp.

2) Khai một người làm ba người, trên tuy nêu một pháp làm ba pháp, ba pháp qui về một pháp, chưa nói một người là ba người, ba người là một người, nay phát tích các Bồ-tát mới được nói về một người làm ba người, ba người làm một người. Do đây đủ căn cứ người và pháp nói về nghĩa khai hiệp mới tròn đầy.

Thọ ký mãn nguyện có hai phần:

1) Nghe pháp làm duyên lãnh giải.

2) Như lai thọ ký.

Phần một văn lại có hai:

1) Nêu lý do lãnh giải.

2) Chánh là nói được lãnh giải.

Đầu có bốn trường hợp:

Nghe pháp làm duyên lãnh giải: Trí tuệ là tuệ thật, phương tiện là tuệ quyền, nói chung nhắc lại hai pháp tuệ quyền thật trong hai châu Pháp và Thí. Lại nghe thọ ký cho các đại đệ tử: Nói chung hai châu thọ ký người làm duyên lãnh giải. Lại nghe việc nhân duyên đời trước là nêu chu thứ ba việc hóa thành làm duyên lãnh giải. Lại nghe Chư Phật có năng lực tự tại thần thông lớn: tức việc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười kiếp ngời đạo tràng và hiện tướng lành. Lại giải tức là đức Thích-ca năng biết việc quá khứ lâu xa. Là sức tự tại thần thông. Sở dĩ chỉ nêu bốn việc: Việc đầu là giáo, việc kế là người được lợi ích,

nhân duyên đời trước lý do trình bày giáo được lợi ích, sau nêu chủ năng hóa tức nghĩa thu nhiếp đã khắp thích nghi nói minh bốn việc.

“Được điều không hề có:.. Chính là nói về lãnh giải cũng chia làm bốn: Nêu trong tâm vui mừng đắc vô sanh nhứt không có sở đắc cấu nên nói tâm tịnh. “Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi..” là nói ngoại hình cung kính. “Mà nghĩ thế này”: Là im lặng lãnh giải. “Cứu vớt chúng sanh ra khỏi các chỗ tham đắm:” Như văn trước nói chúng sanh tham đắm các chỗ dẫn dắt họ khiến ra khỏi. Nói tham trước chẳng phải chỉ tham sử mà nói tất cả tâm có sở đắc. “Chỉ có đức Thế tôn...” là cầu xin thọ ký. Sở dĩ cầu xin thọ ký là gồm có hai nghĩa:

1) Vì hiện nhiếp hạ căn.

2) Vì có duyên chúng sanh phát nguyện vãng sanh cho nên xin ký. Tâm tâm: Vô sanh pháp nhứt tức hạnh Bồ-tát gọi là tâm. Bốn nguyện: tâm Bồ-đề Vô sở đắc.

“Bấy giờ Đức Phật bảo v.v...” chính là thọ ký. Văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có hai trước nêu hành nhân sau biện đắc quả, trong hành nhân nói về hành nhân ba đời:

1) Khen ngợi hiện đức là hiện tại hành nhân.

2) Nói hành nhân quá khứ.

3) Nói hành nhân vị lai.

Hiện đức hiển rõ cho nên trước khen ngợi đức hiện tại, do quá khứ tu hành nên kể khen ngợi quá khứ, hai đời hành nhân cũng chưa tròn đầy nên kể khen ngợi vị lai. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Bảo chúng hỏi:” Hỏi: Mãn nguyện ở trong hội vì sao hỏi chúng thấy không ư? Đáp: Chúng chỉ thấy hình mà chưa thấy đức, nay muốn hiển đức khiến chúng kính ngưỡng nên bảo chúng hỏi.

2) “Ta thường khen ông là bậc nhất...” khen ngợi kia có công mở mang trên.

3) Năng vì bốn chúng làm lợi ích v.v... khen ngợi đức lợi ích dưới.

4) Ngoài đức Như lai ra không ai có thể v.v... là nói địa vị Mãn Từ Tử tức người chứng quả Thập địa,. “Các ông chớ cho rằng...” là khen ngợi đức quá khứ của Mãn nguyện, thời chúng chỉ nói hiện tại có công trên mở rộng dưới hóa, chưa biết quá khứ cũng có đức này cho nên nay khen ngợi.

Văn có ba:

1) Nêu quá khứ chín mươi ức kiếp Đức Phật có công trên mở rộng dưới hóa.

2) Ở nơi bảy Đức Phật có công thượng mở rộng hạ hóa.

3) Ở chỗ Đức Phật Thích-ca trong hàng người nói pháp là bậc nhất.

Đây tức từ nhiều Phật cho đến ít Phật. Văn đầu chia làm ba:

1) Khen ngợi trí tuệ Mãn Từ Tử.

2) Khen ngợi thần thông.

3) Trí tuệ và thần thông của Mãn Từ Tử đều đầy đủ cho nên rộng làm lợi ích.

Đầu lại khai ba:

1) Khen ngợi có tuệ, tức thật phương tiện.

2) “Lại ở nơi Chư Phật nói pháp Không là khen ngợi Không tuệ gọi là phương tiện thật.

3) “Đắc bốn trí vô ngại...” hiệp khen ngợi hai tuệ Không, Hữu. Do hiểu đầy đủ Không, Hữu mới có thể nói pháp vô ngại, không như vậy thì thành có sở đắc.

“Đầy đủ sức thần thông của Bồ-tát...” kể khen ngợi thần thông. “Người thuở Đức Phật kia v.v...” nêu đủ thần thông trí tuệ rộng làm lợi vật. Văn lại có hai:

1) Khen ngợi thành tựu chúng sanh.

2) “Vì muốn thanh tịnh cõi Phật...” khen ngợi tịnh cõi nước Phật.

Trước lại có hai câu:

1) Lợi ích chung chúng sanh bốn thừa.

2) “Lại giáo hóa vô lượng...” là lợi ích riêng người cầu Phật.

“Các Tỳ-kheo...” khen ngợi trong pháp của bảy Đức Phật có đức trên mở rộng dưới hóa. “Nay ở chỗ ta v.v...” khen ngợi ở chỗ đức Thích-ca nói pháp bậc nhất. “vào kiếp hiền...” khen ngợi vị lai tu nhân cũng chia ba:

1) Khen ngợi ở chỗ tu hành của Phật trong một kiếp.

2) “Cũng ở trong đời vị lai...” là chỗ tu hành của Phật nhiều kiếp.

3) “Dần dần đầy đủ v.v...” là khen ngợi tu nhân tròn đầy.

“Qua vô lượng vô số kiếp sau v.v...” là nói đắc quả, gồm có sáu quả:

1) Quả hóa chủ.

2) “Đức Phật đó...” là quả cõi nước; đất bằng như bàn tay có hai:

a) Nói Đức Phật tay bằng phẳng, là chỉ việc mà nói.

b) Đáy biển có đá bốn phương ngàn dặm bằng như gương soi mặt gọi là tay đá.

3) Cung điện của chư thiên nêu quả quyến thuộc gồm có bốn ý.

- a) Nói về quyển thuộc trời người.
- b) Nói về quyển thuộc Bồ-tát.
- c) Nói về quyển thuộc Thanh văn.
- d) Tổng kết.

4) “Kiếp tên Bảo minh v.v...” là nói quả thời gian. Nước tên Thiện Tịnh v.v... trên nêu thể nay nói về tên cõi.

5) “Tuổi thọ của Đức Phật kia v.v...” là nói quả tuổi thọ.

6) “Pháp trụ lâu xa v.v... là nói quả trụ trì.

Kệ văn có hai:

1) Tụng về hành nhân.

2) Tụng về đắc quả.

Tụng hành nhân ba đời tức là ba phần:

1) Bảy hàng tụng khen ngợi chư Bồ-tát tức khen ngợi Mãn Từ Tử hiện tại hành đức.

2) Năm hàng tụng hành nhân quá khứ.

3) Hai bài rưỡi tụng hành nhân vị lai.

Bảy hàng đầu chia làm ba:

1) Một bài nêu khen ngợi.

2) Năm hàng giải thích khen ngợi.

3) Một bài tổng kết tán. Rõ ràng không thể khen ngợi đủ.

Năm hàng kế lại chia làm hai:

1) Bốn hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện.

2) Một bài khen ngợi Bồ-tát chỉ bày phàm phu phương tiện.

Bốn hàng đầu lại chia hai:

1) Ba hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện năng thành tựu chúng sanh.

2) Một bài nêu Nhị thừa phương tiện năng tịnh cõi nước Phật.

Ba hàng đầu lại chia làm ba cặp.

1) Nửa bài trên biện biết căn cơ, nửa bài kệ dưới nói lên oai nghi Tiểu thừa nghĩa là cơ giáo một cặp.

2) Nửa bài trên khéo giáo hóa người, nửa bài kệ dưới tự nói là tiểu đạo gọi là tự tha một cặp.

3) Nửa bài trên nêu độ vật, nửa bài kệ dưới nói ý thuyết giáo gọi là giáo lý một cặp.

“Dù ưa nhỏ biếng lười”: Dù hiện Tiểu thừa oai nghi nói Tiểu giáo mà tự như pháp Bồ-tát biếng nhác mà thật chẳng biếng nhác. “Chỉ ba độc cho người lại hiện tướng tà kiến”: Trên nói Thánh phương tiện làm hai Thánh Thanh văn Duyên giác, nay chỉ phàm phu phương tiện cũng

làm hai phàm:

- 1) Hiện làm chúng sanh tại gia ba độc.
- 2) Hiện làm xuất gia tà kiến ngoại đạo.

Lại trên hiện Nhị thừa phương tiện tức là người không phiền não, nay chỉ hai phàm phu phương tiện nghĩa là người có phiền não. Nay đại sĩ thể ngộ phiền não không hề có, không cho nên phương tiện thị hiện có không. Như Kinh Tịnh Danh chép: Bồ-tát không dứt phiền não cũng không cùng đồng mà năng thị hiện đều đoạn hai việc.

“Nay Phú-lâu-na đây...” là hành nhân quá khứ. “Vị lai cũng cúng dường” v.v... là tụng hành nhân vị lai. “Sau đó được thành Phật...” là tụng đắc quả có hai:

- 1) Tụng về đắc quả.
- 2) Tổng kết.

Trong tụng đắc quả: nửa hàng tụng là quả hóa chủ, nửa hàng tụng là quả cõi nước quả, một câu tụng là quả thời gian quả, bốn hàng một câu tụng quả quyền thuộc, năm câu tụng Bồ-tát, một bài tụng Thanh văn, hai bài tụng về trời người, từ hơn đến kém xếp vào thứ lớp. “Pháp hỷ, thiền duyệt thực”: Là định tuệ có công năng nuôi dưỡng pháp thân nên gọi là thực. Lại ngoài theo Phật nghe pháp vui mừng là pháp hỷ, trong như nói tu hành là thiền duyệt, lại Thánh nói pháp gọi là pháp hỷ, bậc Thánh im lặng gọi là thiền duyệt. Đức Phật dạy đệ tử thường thực hành hai việc cho nên chỉ có hai món ăn. Các kinh khác nói có chín món ăn: Thế gian bốn món, xuất thế gian năm món:

- 1) Thiền.
- 2) Nguyện.
- 3) Niệm
- 4) Tám giải thoát.
- 5) Hỷ. “Tỳ-kheo Phú-lâu-na v.v...” một bài rưỡi là tổng kết tịnh độ.

“Bấy giờ ngàn hai trăm vị...” là thọ ký cho Thanh văn chia làm hai:

- 1) Thọ ký.
 - 2) Lãnh giải.
- Trong thọ ký có hai:

- 1) Xin ký.
- 2) Thọ ký.

Hỏi: Một ngàn hai trăm năm mươi người thường theo Phật, kinh này trước sau vì sao chỉ nói một ngàn hai trăm ư?

Đáp: Hoặc có thể rút trong kinh chỉ lấy số chẵn; hoặc có thể xưa có một ngàn hai trăm năm mươi, đến thời Pháp Hoa năm mươi người đã mất cho nên chỉ nói một ngàn hai trăm thôi!

“Chúng ta vui mừng được điều không hề có v.v...” nghe trên nói pháp và cho thọ ký chung nên vui mừng, không được thọ ký cũng sung sướng lắm nghĩa là một ngàn hai trăm vị La-hán thấy các người khác được ký riêng, nghĩ rằng mình không được ký riêng nên đến xin nếu như được ký riêng được thành Phật thì gọi là sung sướng. “Đức Phật biết tâm niệm v.v...” là được Phật thọ ký. Văn chia làm ba:

- 1) Hứa chung.
- 2) Thọ ký riêng.
- 3) Bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo chúng kia được thọ ký.

“Nay... là hứa chung. Trong chúng đó v.v...” Nêu thọ ký riêng, trước văn xuôi, sau kệ tụng, trước văn xuôi có hai: Trước thọ ký riêng Kiều-trần-như, kế thọ ký riêng năm trăm. Phải biết năm trăm và một ngàn hai trăm đều là trong số một ngàn hai trăm, một ngàn hai trăm là số đầu đắc Ba đạo thừa, trong một ngàn hai trăm đây năm trăm là nêu số lãnh giải cho nên nói năm trăm. Dù nêu năm trăm cũng là trong số một ngàn hai trăm như gọi nhóm Tỳ kheo mười bảy vị, sáu vị. “Năm trăm vị A la hán..” là thọ ký năm trăm người: Ca Lưu Đà Di: Ca lưu Hán dịch là Thời. Đà Di gọi là Khởi. Thập bát bộ sơ chép: Ca lưu là Hắc, Đà Di là Thượng, là thầy của Thái Tử Tất-đạt khi còn ở trong cung. Châu đà: Hán dịch là Bất lạc, lại nói Tiểu lộ. Sa-già Đà dịch là Thiện lai, xưa dịch là Ác lai, ngoại quốc cũng gọi là Sa Kiệt Đà. Cũng gọi Sa Già-đà. Ưu Đà Di cũng gọi là Ô đà di, Trung hoa gọi là Xuất.

Văn Kệ cũng có hai: Trước sáu hàng tụng Kiều-trần-như được thọ ký, kế ba hàng rưỡi tụng năm trăm người được thọ ký. “Ca-diếp! Ông đã biết...” là bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo thọ ký. Do không có Nhị thừa chỉ có Nhất thừa, tất cả Thanh văn đều sẽ thành Phật, bảo tuyên chỉ thọ ký là ý đây.

“Bấy giờ năm trăm vị La-hán...” là tự trình bày lãnh giải. Văn có hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Tổng kết vui mừng.

Đầu nói pháp lại có bốn:

- 1) Nêu duyên lãnh giải được thọ ký tức là duyên lãnh giải.

2) “Vui mừng hơn hở v.v...” là trong tâm vui mừng.

3) “Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi ...” là ngoại hình cung kính. “Ăn năn lỗi tự trách v.v...” là phát ngôn tự trình bày lãnh giải.

Đây lại chia làm bốn:

1) Hối lỗi tự trách.

2) Thuật lại xưa mê.

3) Nói nay ngộ.

4) Giải thích.

Hối lỗi tự trách: Sám hối tội Tiểu thừa có sở đắc, khiến người chưa bỏ rồi chấp Nhị thừa do đây mà bỏ rồi phát tâm Đại thừa vững chắc không lui sụt. Nhưng kinh này từ đầu đến cuối nhờ một ngàn hai trăm người phá tất cả các người Tiểu thừa trong mười phương ba đời, khiến cho họ bỏ chấp có sở đắc ngộ nhập chánh quán bình đẳng, cho đến nhờ người ba căn bác bỏ hạng Bồ-tát cố chấp hai kiến đại, Tiểu thừa trong mười phương ba đời, cũng khiến họ ngộ nhập phi đại phi tiểu không một không ba mà diệu ngộ không y, không đắc, do đó kinh này từ đầu đến cuối đều lấy một ngàn hai trăm người mà nói làm đầu mối. Nhờ họ chấp mê để nói lên mê đại tiểu có sở đắc, nhờ họ ngộ để dẫn tất cả tâm mê chấp có sở đắc Đại Tiểu khiến họ được ngộ.

Hỏi: Nếu vậy kinh này ba châu đều là người phương tiện không thật ngộ đạo?

Đáp: Nhờ người ba căn này trình bày sự mê ngộ khiến người thực hành Tiểu thừa đối với kinh Pháp Hoa đắc tín tâm, cho nên trước nói các hàng Thanh văn tin lời Phật nên thuận theo kinh này, tức kia chứng minh.

Hỏi: Vì sao biết được ba căn Thanh văn đều là phương tiện ư?

Đáp: Không có người thực hành nghe Kinh Pháp Hoa liền lãnh giải giúp Phật tuyên dương giáo hóa cho nên Kinh này Phật có ba châu nói, đệ tử cũng có ba châu nói, hoặc thầy hoặc đệ tử đều là hiển phát thâm giáo điều phục chúng sinh. Nhưng chánh quán vắng lặng không hề có thầy trò vì chúng sanh nên phương tiện mà có thầy trò, muốn cho chúng sinh thọ hóa ngộ nhập bình đẳng. Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Nói pháp chẳng phải thầy cũng chẳng phải đệ tử gọi là Trung đạo, thầy trò tức là phương tiện, mê ngộ cũng như vậy, bình đẳng chánh quán không hề có mê ngộ, vì chúng sanh nên phương tiện có mê ngộ. Lại kinh Niết-bàn nói tất cả chúng sanh không thể phá kết; chẳng phải không năng phá, chẳng phá chẳng phải không phá gọi là Trung đạo, nên thường theo ý này mà đọc kinh Pháp Hoa.

Nếu chấp xưa khai nay hợp, có Nhất thừa, không có ba thừa, cho đến trước sau mê ngộ thì thành có sở đắc, có sở đắc tức vô minh, chẳng phải đại tuệ bình đẳng. Có sở đắc ấy không đạo không quả không thể hành nhân Phật đắc quả Phật; có sở đắc gọi là thô chẳng phải diệu pháp, có sở đắc tức là nhiễm trước không gọi là hoa sen. Nói hối lỗi: Đức Phật quá khứ khiến ta phát tâm Bồ-đề vô sở đắc không hai, mà do ta điên đảo sâu dày trái đại chấp tiểu là tội thứ nhất của con. Từ đầu Kinh đến nay hai châu đã vì con nói đại tuệ bình đẳng, mà con nghi hối không hiểu đó là tội thứ hai của con. Đã ở trong hai đời nhọc phiền Như lai cho nên sám hối lỗi đối với Phật, lại chấp tiểu, nghi đại sâu làm chướng pháp cho nên đối pháp sám hối tội có sở đắc. Tự trách: do trái đại chấp tiểu, chấp tiểu nghi đại đều do mình độn căn cho nên tự trách.

Hỏi: Vì sao người hạ căn có riêng lời này?

Đáp: ba phen nghe mới hiểu thì có các lụy sâu cho nên nói riêng. Lại hàng Thanh văn ba căn đều nên hối lỗi tự trách, chỉ muốn chuyển thế bày lỗi cho nên ba thứ khác nhau.

“Thế tôn! Chúng con v.v...” là thuật xưa mê. Nay mới biết đó như người vô trí. Nêu nay ngộ. “Vì sao”: Là giải thích. Nói lẽ ra đắc đại mà chấp chặt tiểu tự cho là đủ nên là người vô trí tức giải Thích-câu trên “như người vô trí.”

“Thí như có người...” là Thí nói trình bày rộng về lãnh giải. Kinh này Phật có ba châu chép:

- 1) Pháp nói.
- 2) Thí nói.
- 3) Vừa thí vừa pháp nói.

Đệ tử ba phen lãnh giải cũng có ba giai cấp: Xá-lợi-phất nghe pháp nói trên lại làm pháp nói lãnh giải, Ca-diếp ngộ trước thí nói lại làm thí nói mà lãnh giải, nay hiểu rõ cả hai pháp thí lại làm hai thứ pháp thí lãnh giải, cho nên trước nêu pháp nói lãnh giải, nay nói thí nói lãnh giải. Căn cứ thí nói đầu cuối có tám phần:

- 1) Người nghèo đến nhà bạn thân.
- 2) Bạn thân cho uống rượu.
- 3) Say rượu nằm.
- 4) Bạn buộc viên ngọc vào áo.
- 5) Vì say nên không hay biết.
- 6) Thức dậy bèn đi tìm cầu việc ăn mặc.
- 7) Gặp lại bạn chỉ cho viên ngọc.
- 8) Người nghèo được châu báu vui mừng.

Bạn thân từ đầu đến cuối muốn làm lợi ích cho nhau, nêu đủ tám việc, do loại theo nhau nghĩa ý chỉ có ba:

- 1) Cột ngọc châu quý.
- 2) Giữa đường lạc nhau.
- 3) Gặp lại chỉ ngọc châu quý.

Sở dĩ lập ba thí dụ này là lại lãnh giải ba nghĩa trên:

1) Lãnh xưa bầm thọ Đại thừa, tức vào thời Đức Phật Đại Thông. Kế là lãnh quên Đại chấp Tiểu, từ quá khứ lui sụt tâm Bồ-đề xong nay trước Linh Sơn, ba lần lãnh đắc ngộ Đại tức hội Linh Sơn.

2) Lãnh hóa thành ba thí dụ: lãnh trước ban đầu nói Đại thừa, lãnh kế giữa đường nói Tiểu thừa, kế lãnh sau lại nói Đại thừa.

3) Lãnh Như lai có ba thứ pháp luân: Đầu lãnh pháp luân căn bản, kế lãnh pháp luân chi mật, sau lãnh pháp luân gom ngọn về gốc.

“Thí như có người v.v...” tức là người hạ căn. “Đến nhà bạn thân v.v...” xưa có cảm Đại thừa nói giáo Đại thừa nên gọi là đến, đồng có Phật tánh lại từng thọ hóa là pháp ra đời là thân, đồng chí hướng Bồ-đề cùng vượt sanh tử nên là bạn. Phẩm Thí Dụ làm cha con, phẩm Tín Giải lại làm cha con mà lãnh giải Phẩm Hóa Thành làm đạo Sư, bạn lữ, nay lại làm anh em mà lãnh giải, do mười sáu Sa-di quá khứ ngộ trước nên gọi là anh, anh tức là bạn, người theo thọ giáo học sau tức là em. Nhà: là chỗ nói giáo Đại thừa. “Say rượu mà nằm ngủ”: Ngài Quang Trạch v.v... chép: Người nghèo vốn say đến nhà bạn thân nằm, dụ chúng sanh bị năm trước làm mê chìm đắm sanh tử gọi là say. Vô minh mê hoặc tâm được giải không lâu mà quên giải, sau bèn không tu hành như say rượu nằm ngủ. “Nay nói không đúng. Vì kệ dưới chép: “Thí như có người nghèo đến nhà bạn thân, nhà kia rất giàu có, bày các thức ăn ngon”. Đã nói say đến mà nằm ngủ, vì sao nói bày thức ăn, lại đã bày thức ăn ngon đây sao không uống rượu ư? Đây là dụ việc không thành.

Nay nói về trong đó có thể có hai nghĩa:

1) Bạn thân bày tiệc uống rượu ăn ngon, nhưng văn xuôi lược nên không nói, kệ thì đầy đủ.

2) Tức văn xuôi này tự bao gồm nghĩa đó. Văn nói say rượu mà nằm ngủ. Rượu do bạn thân bày ra. Say là người nghèo uống rượu mà say. Xưa nói Pháp Hoa tức Đại thừa Trung đạo vô tướng giáo làm rượu, đắm chấp giáo là say, mê lý là nằm. Cho nên Kinh chép: Cầm bình Tam-muội Không chứa đầy rượu vô tướng.

Hỏi: Vì sao dùng rượu dụ cho giáo ư?

Đáp: Rượu có nghĩa vui thích dụ cho nghe giáo vui mừng tự biết

sẽ thành Phật và rượu có nghĩa hôn mê, dụ cho do giáo sanh khởi mê. Nay dụ Đại thừa chính là muốn nói nghĩa ba căn Thanh văn giữa đường mê giáo, nên chánh nhờ rượu làm dụ vì thế ban đầu nói say rượu mà nằm ngủ.

Hỏi: Vì rượu nên say nằm, lập ra giáo nên khởi mê ư?

Đáp: Bạn thân cùng gặp vốn làm thần vui không khiến say mê, Như lai nói giáo ý ở ngộ lý, không khiến duyên mê, chỉ vì lầm tôn chỉ nên bị mê hoặc!

“Lúc ấy, người bạn thân có việc quan phải đi”: Bực Đại Sĩ lợi ích chúng sinh hóa độ chúng sanh tự tại chẳng vì mình như việc quan, lại cõi này cảm tận phương khác duyên đến. Không được không đi như việc quan phải đi. “Buộc châu báu vô giá trong áo của gã say: Đây chính là thí dụ buộc châu. Luận Pháp Hoa chép: Có người tâm tán loạn tăng thượng mạn thật không có định, quá khứ tuy có gốc lành Đại thừa mà không hay biết, không biết nên không cầu Đại thừa, đối với tâm xấu hẹp ấy sanh luống dối hiểu cho là bậc nhất thừa, chấp điên đảo như vậy, vì đối trị hạng người này nên nói thí dụ buộc châu. Tức là chỉ cho biết gốc lành quá khứ làm cho nhớ nghĩ, rồi sau dạy bảo khiến nhập Tam-muội. Luận lại nói thị hiện giải vô thượng cho nên nói thí dụ buộc châu. Giải Đại thừa Trung đạo dụ như châu báu, cùng tốt trong lý nên gọi là vô giá. Lại do đây giải lý không hai mà cảm Đại quả của Phật, do có nhiều khả năng nên gọi vô giá, giải do Phật trao cho nên gọi là buộc, giải hoặc ẩn mật vi tế trong tâm như trong áo.

Hỏi: Trao cho lãnh giải vốn do chúng sanh lãnh ngộ, đã nói say rượu mà nằm ngủ đều không hay biết, vì sao trong lúc không hay biết mà trao lãnh giải?

Đáp:

1) Buộc châu vốn nói ý chỉ Đại thừa không khiến tạm thọ mà thôi chính là nhiễm thân trải qua nhiều kiếp không suy, cho nên mượn say không biết để nói về cột châu, thật ra chẳng phải là lúc không biết mà cột.

2) Xét về lãnh giải châu dụ cho tâm Bồ-đề, không mất chánh là ở thời sau, nay muốn hiển rõ thời sau giải không suy do Phật được trao cho nên ở thời sau nói. Lại sở dĩ biết buộc ngọc châu chẳng phải là lúc không hay biết là vì châu dụ cho tâm Bồ-đề, nếu đều không biết thì làm sao phát tâm Bồ-đề! Chỉ vì nay căn cứ thời sau bỏ quên cho nên nói không biết.

Hỏi: Cột châu đã là lúc hiểu biết thì uống rượu cũng có không say

ư?

Đáp: Lúc đầu chưa say sau mới say, như lúc đầu bầm giáo thì chưa mê sau mới mê.

Hỏi: Bạn thân vì sao bày tiệc rượu thức ăn lại cột châu ư?

Đáp: Bạn thân ân tuệ có lợi ích có thể có từ đầu đến cuối hai việc:

1) Bày tiệc rượu ăn uống.

2) Là ân tuệ châu báu quý trọng châu báu quý trọng là nhân giàu sang lúc trước, rượu thức ăn là vui đương thời hội ngộ. Trước theo Đại thừa cũng đủ hai việc: Đương thời được lợi ích như uống rượu tình vui, kế giải nhiệm thân trải qua nhiều kiếp không suy, đồng là thí dụ buộc hạt châu.

Hỏi: Đã là từ đầu đến cuối một giải vì sao không nêu một thí dụ ư?

Đáp: Ăn, uống rượu chỉ có ích đương thời mà không có nghĩa thời sau không mất, buộc châu chỉ có thời sau không mất mà không có lý xen lẫn lợi ích, cho nên nêu hai thí dụ đầu và cuối chỉ một giải.

Hỏi: Nếu chỉ là trao cho một lãnh giải thì ban đầu thấy bạn thân liền cột châu nơi áo vì sao đến lúc say nằm ngủ mới cột ư?

Đáp: hai thí dụ thật ra là một lúc, mà trước sau nói để có hai nghĩa ấy, uống rượu là ý ban đầu có giải chút ít sau thì hôn mê, tuy lại sau mê mà giải ẩn kín trong mê cuối cùng cũng không suy diệt cho nên như buộc châu. Vì thế rượu dụ nói lên kia giải sau đó khởi mê, châu dụ rõ kia giải tuy lại khởi mê mà giải không suy diệt.

Hỏi: Kinh tự nói về trước sau vì sao nói một thời ư?

Đáp: Trong kệ sau nói về bày tiệc rượu ăn uống liền buộc châu cho nên biết nhất thời nhưng muốn hiển rõ hai nghĩa đầu đuôi, như trước giải thích.

Hỏi: Rượu châu chỉ dụ cho giải cũng dụ cho giáo ư?

Đáp: Chung đều được dụ, giáo Trung đạo tròn đầy như viên ngọc, luyện thân dưỡng tánh việc đồng với rượu, giáo đã đủ hai, giải cũng theo lệ như vậy, nhưng châu chính dụ giải gọi là tâm Bồ-đề cho nên dưới hiệp nói nhất thiết trí nguyện cũng còn không mất.

Rượu dụ hai nghĩa:

1) Dụ giáo.

2) Uống rượu lợi thân dụ cho lãnh giáo sanh giải cho nên biết có đủ hai nghĩa. Nhưng rượu chánh là dụ giáo. “Cho đó rồi đi”: tức thời chưa thể hóa chẳng được không bỏ. Lại đầu lập bày rượu dụ cho thuyết

giáo lấy châu buộc dụ trao giải, trao giải đã xong cõi này cảm đã dứt cho nên đi. “Gã đó say nằm đều không hay biết v.v...” là dụ cho giữa đường quên đại chấp tiểu. Đã chấp giáo khởi hoặc, trải qua sanh tử không biết đã từng có Đại thừa. “Khi dậy liền đạo đi”: Câu trước nêu quên đại giải như đều không hay biết, câu này nói tập hành Tiểu thừa cho nên nói đứng dậy đạo đi. Lại câu trước nói đều không hay biết quên mất iải xưa, nên lưu lạc trong năm đường, câu này nói khởi cầu pháp xuất thế Nhị thừa. Căn cơ Tiểu thừa phát đứng dậy, tu hành pháp Tiểu thừa là đi (hành). “Đến nước khác”: Chính là nói Niết-bàn đáng chứng, còn chẳng phải nước mình cho nên nói nước khác, tức Đại thừa làm nước mình Giáo Nhị thừa làm nước khác. Trong phẩm Tín Giải dụ dùng lý Đại thừa làm nước mình sanh tử làm nước khác, nay dùng Đại thừa làm tự mình Tiểu thừa làm nơi khác. “Vì việc ăn mặc mà phải gắng sức tìm cầu rất là khổ nhọc”: Nhị thừa vui ít, nghĩa sánh với ăn mặc, điều phục hoặc không biếng nhác là gắng sức, không có liên quan lo lắng là gian nan khổ nhọc, lại chẳng phải thuận lý nên gọi là khổ nhọc, lại Bồ-tát như lạc đạo, Thanh văn như khổ đạo, cho nên nói khổ nhọc. Nếu có được chút ít liền cho là đủ”: Trên nói hành nhân, nay nói đắc quả, giữ lấy ít quả cho là rốt ráo cho nên nói tự đủ.

“Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy...” là thí dụ gặp gỡ chỉ bày châu.

Hỏi: Nay mới thấy bạn thân, hay trước đã thấy ư?

Đáp: Trong đứng dậy đạo đi đã thấy bạn thân, chỉ nói giáo Tiểu thừa chưa xứng bạn ngày xưa cho nên không nói thấy, nay đã chỉ bày châu lại như bạn xưa mới gọi là thấy.

Lúc sau: Tức là sau nói Tiểu giáo, đại căn cơ dần dần phát gọi là gặp gỡ, vì trí Phật chiếu so nên gọi là thấy. “Liên bảo rằng: Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này”: Trước nêu thấy căn cơ, nay nói thuyết giáo, xưa phát đại tâm thực hành đại hạnh, ý chí mạnh mẽ gọi là trượng phu. Nay liền bỏ đại học tiểu đây thật đáng thương. “Lúc trước ta muốn anh được an vui tha hồ năm món dục”: Xưa muốn cho chúng sanh được quả Phật an vui. “Ngày tháng năm đó cột châu báu vô giá vào trong áo anh nay vẫn còn đó”. Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng là ngày tháng năm, vì nói Pháp Hoa trao Nhất thừa giải là cột châu, nhân xưa không suy yếu là nay vẫn còn đó. “Mà anh không biết”: là nói không biết có đại giải. “Lại đi nhọc nhằn sâu khổ để kiếm tìm tự nuôi sống”: là nói chấp Tiểu thừa. “Thật là ngu si”: Quên đại chấp tiểu do vô minh phiền não nên gọi là si. “Nay anh nên đem ngọc ấy đổi lấy

các thứ cần dùng”: Dùng tâm Bồ-đề báu đối sẽ cảm được đức của Phật tròn đầy. Dùng nhân cảm quả tức nghĩa đối chác.

“Đức Phật cũng như vậy...” là nêu ba hiệp ba dụ. Tức ba “là lúc làm Bồ-tát”: Hiệp trên bạn thân. Giáo hóa: Hiệp trên bày rượu. “Khiến phát tâm cầu nhất thiết trí”: Hiệp trên buộc châu báu. “Mà chúng con bỏ quên...” Hiệp bỏ đại chấp tiểu tức bao gồm hiệp trên: say rượu mà nằm. Bỏ quên chính là hiệp trên đều không hay biết. “Đã đắc La-hán”: Hiệp trên quên đại, hiệp đây chấp tiểu. “Tất cả trí nguyện vẫn còn chẳng mất”. Hiệp bạn thân chỉ bày châu. “Nay đức Thế tôn giác ngộ chúng con mà nói...” là hiệp trên nói lạ thay! Anh này sao đến nỗi như vậy! “Ta từ lâu đã khiến các ông...” hiệp vẫn trên: xưa ta muốn các ông được an vui... cho đến buộc châu: “Mà các ông chưa thiệt diệt độ”: Hiệp trên mà anh không biết rất là ngu si.

“Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình...” là tổng kết ngộ giải vui mừng.

Kệ có mười hai hàng rưỡi tụng bốn đoạn trên, chia làm bốn:

- 1) Hai bài rưỡi tụng Pháp nói.
- 2) Sáu hàng tụng Thí nói.
- 3) Ba hàng tụng hiệp dụ.
- 4) Một bài tụng kết vui mừng.

Trên pháp nói hai bài rưỡi có bốn:

- 1) Nửa hàng tụng duyên lãnh giải.
- 2) Một câu tụng trong tâm vui mừng.
- 3) Một câu tụng ngoại hình cung kính.

4) một bài rưỡi tụng hối lỗi. Hối lỗi tự trách có bốn: nay chỉ tụng hai: Đầu nửa hàng tụng hối lỗi. Kế hàng tụng xưa mê, tức giải thích việc hối lỗi. Sáu hàng tụng ba thí dụ tức có ba riêng: Một bài ba câu tụng thí dụ buộc châu, “Bày đủ các tiệc ngon...”: Văn xuôi nêu rượu, kệ nêu tiệc ngon, rượu dụ nói tâm Bồ-đề, bày tiệc ngon nói Bồ-đề hạnh. Cũng được chuyển thí, trên dùng rượu thí dụ giáo Pháp Hoa, nay dùng tiệc ngon dụ cho giáo. Nói bày đủ: Đức Phật nói lược ở trước, Sa-di nói rộng ở sau. “Thầm cho rồi bỏ đi v.v...” giải không suy diệt đã hiển rõ ở sau thì sau giải chẳng phải là ngôn giáo đã trao nên nói thầm cho. Có người chép: Bấy giờ không có thầy dẫn dắt một khi phát sanh thiện trải qua nhiều kiếp không suy diệt lại gặp gỡ nhau cho nên gọi là thầm cho. Có người chép: lúc bấy giờ tuy vì người độn căn nói giáo mà họ không hiểu, không khác với im lặng cho nên nói thầm cho. Lại rượu, thức ăn ngon dụ cho giáo gọi đó là ngôn từ buộc châu trao giải cho nên gọi là

thâm cho, giải thích này là đúng.

Hỏi: Trong kệ vì sao nói bày ra các tiệc ngon thì nói buộc châu?

Đáp: Vì khi nói Đại thừa tức trao tâm Bồ-đề giải, thật ra chẳng khác thời nên biết kế tục nói.

“Mà bỏ đi”: Nói giáo trao giải được lợi ích đủ rồi nên bỏ. “Gã say nằm không hay biết v.v...:” hai bài một câu tụng thí dụ giữa đường quên mất đạ ở trên. “Người thân hữu cho châu...” hai bài tụng trên gặp gỡ lại chỉ bày châu. “Chúng con cũng như vậy...” ba hàng tụng bên trên hợp thí thứ nhất: Đầu kệ tụng hợp thí thứ nhất, kế kệ tụng hiệp thứ hai, sau kệ tụng hiệp thứ ba. “Con nay từ Phật nghe v.v...” một hàng tụng thứ tư tổng kết vui mừng.
